

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ ĐỨC PHỔ
TỈNH QUẢNG NGÃI**

Bản án số: 24/2022/DS-ST

Ngày 16-9-2022

V/v “Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng tín dụng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ ĐỨC PHỔ - TỈNH QUẢNG NGÃI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Duẩn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Hòa

Bà Nguyễn Thị Duy Anh Phương

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Thịnh – Thư ký Tòa án nhân dân thị
xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi.

***Đại diện viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi tham
gia phiên tòa:*** Ông Trần Văn Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ,
tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số
147/2021/TLST-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về “Tranh chấp nghĩa vụ thanh
toán trong hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:
203/2022/QĐXXST-DS, ngày 28 tháng 06 năm 2022, Quyết định hoãn phiên
tòa số 65/2022/QĐST – DS ngày 26/07/2022, Quyết định hoãn phiên tòa số
78/2022/QĐST – DS ngày 25/8/2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ngân hàng Chính sách xã hội

Địa chỉ: Số 169 phố Linh Đàm, phường Hoàng Liệt, quận Hoàng Mai,
thành phố Hà Nội;

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết Th, chức vụ: Tổng
giám đốc;

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Anh T – chức vụ: Phó giám
đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Đức Phổ, theo văn bản
ủy quyền số 160/UQ-NHCS ngày 26/07/2022 của giám đốc Phòng giao dịch
Ngân hàng chính sách xã hội thị xã Đức Phổ;

* Bị đơn: Ông Lê Văn T, sinh năm 1975 và bà Phùng Thị M, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt;

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Lê Bích Th, sinh năm 2001;

- Anh Lê Hoài G, sinh năm 2005;

- Anh Lê Quang T1, sinh năm 2014

Người đại diện theo pháp luật của chị Lê Hoài G và anh Lê Quang T1 có ông Lê Văn T và bà Phùng Thị M là cha, mẹ.

Cùng địa chỉ: Tổ dân phố D, phường T, thị xã Đức Phổ, tỉnh Quảng Ngãi, vắng mặt.

Tại phiên tòa đại diện Ngân hàng Chính sách xã hội vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt, bà Phùng Thị M (vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt); vắng mặt ông Lê Văn T, chị Lê Bích Th, anh Lê Hoài G, anh Lê Quang T1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/11/2021 và quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Anh T trình bày:

Căn cứ xác nhận danh sách hộ gia đình đề nghị vay vốn Ngân hàng Chính sách xã hội huyện Đức Phổ (nay là thị xã Đức Phổ) chương trình cho vay hộ nghèo ngày 9/06/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã T (nay là phường T); ngày 23/06/2016, Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Đức Phổ giải ngân cho bà Phùng Thị M vay số tiền 50.000.000 đồng, theo số vay vốn có mã số 7074011468, lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 06/06/2019; mục đích vay nuôi bò.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngày 06/06/2018, bà M trả 1.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 49.000.000 đồng; đến thời hạn trả nợ bà M không trả được nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn. Ngân hàng cùng với tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn, Ủy ban nhân dân, hội phụ nữ phường T đến nhà làm việc yêu cầu bà M trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ buộc bà Phùng Thị M và ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Đức Phổ số tiền gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 3.434.668 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2022 là 16.558.789 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 68.993.457 đồng.

** Tại biên bản làm việc ngày 25/05/2022 bà Phùng Thị M trình bày:*

Năm 2016, bà Phùng Thị M và ông Lê Văn T có vay của Ngân hàng Chính Sách Xã Hội – Phòng giao dịch Đức Phổ số tiền 50.000.000 đồng, thông qua Hội phụ nữ xã T (nay là phường T) và tổ tiết kiệm, vay vốn của thôn D (nay là tổ dân phố D); mục đích vay chăn nuôi bò.

Sau khi nhận tiền về bà nhận thấy việc chăn nuôi bà không có hiệu quả, nên khoảng 03 tháng sau bà đem tiền trả lại cho Ngân hàng thông qua bà T2, nhưng bà T2 không trả cho Ngân hàng, việc trả tiền không lập giấy tờ gì. Đến khi phát hiện bà T2 xâm tiêu tiền của các hộ dân, Ngân hàng Chính Sách Xã Hội, Ủy ban nhân dân, Hội liên hiệp phụ Nữ xã T (nay là phường T) và bà Nguyễn Thị T2 làm việc nhiều lần, bà T2 thừa nhận xâm tiêu tiền của các hộ dân và đại diện Ngân hàng Chính Sách Xã Hội chấp nhận. Nay Ngân hàng Chính Sách Xã Hội yêu cầu bà và ông Lê Văn T trả số tiền gốc 49.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 14.811.259 đồng và tiền lãi quá hạn 3.343.872 đồng, bà không chấp nhận.

* Ông Lê Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Bích Th, anh Lê Hoài G Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và cũng không đến Tòa để trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ phát biểu quan điểm:

I. Việc tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán đã chấp hành đúng theo các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

- + Đối nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 86 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- + Đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chưa chấp hành đúng theo quy định tại Điều 70, 72, 73 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

II. Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Căn cứ các Điều 274, 275, 276, 280, 370 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách xã Hội.

Ngân hàng Chính sách Xã Hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Bích Th, anh Lê Hoài G, anh Lê Quang T1 vắng mặt lần thứ 2 không vì sự bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về Nội dung:

[2.1] Theo các tài liệu, chứng cứ do Ngân hàng Chính Sách Xã Hội - Phòng giao dịch Đức phổ cung cấp có tại hồ sơ thì ông Lê Văn T, bà Phùng Thị M có vay tiền của Ngân hàng Chính Sách Xã Hội - Phòng giao dịch Đức Phổ số tiền 50.000.000 đồng, theo sổ vay vốn có mã số 7074011468, lãi suất 0,66%/tháng, thời hạn vay 36 tháng, hạn trả nợ cuối cùng ngày 06/06/2019; mục đích vay chăn nuôi bò.

Quá trình thực hiện hợp đồng vay, ngày 06/06/2018, bà M trả 1.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 49.000.000 đồng; đến thời hạn trả nợ bà M không trả được nợ cho Ngân hàng, nên Ngân hàng chuyển khoản nợ trên sang nợ quá hạn. Ngân hàng cùng với tổ trưởng tổ tiết kiệm vay vốn, Ủy ban nhân dân, hội phụ nữ phường T đến nhà làm việc yêu cầu bà M trả nợ nhiều lần nhưng vẫn không chịu trả. Do vậy, Ngân hàng yêu cầu Tòa án nhân dân thị xã Đức Phổ buộc bà Phùng Thị M và ông Lê Văn T có nghĩa vụ trả cho Phòng giao dịch Ngân hàng Chính sách xã hội thị xã Đức Phổ số tiền gốc là 49.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 3.434.668 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2022 là 16.558.789 đồng; tổng cộng tiền gốc và tiền lãi là 68.993.457 đồng.

Xét yêu cầu trả nợ của Ngân hàng Chính Sách Xã Hội, Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại giấy nhận tiền trả gốc ngày 9/05/2017 thể hiện bà Nguyễn Thị T2 có nhận của bà Phùng Thị M số tiền 49.000.000 đồng để trả tiền gốc cho Ngân hàng, nhưng đến hạn bà T2 không trả nợ gốc cho Ngân hàng; tại các biên bản làm việc ngày 11/05/2018, ngày 12/06/2018, ngày 15/10/2018, giữa đại diện Ngân hàng Chính Sách Xã Hội – Phòng giao dịch Đức Phổ, đại diện Đảng ủy, Ủy ban nhân dân, Hội liên hiệp phụ nữ xã T (nay là phường T) với bà Nguyễn Thị T2 đã xác định bà Nguyễn Thị T2 đã chiếm dụng vốn của các hộ vay (trong

đó có hộ bà Phùng Thị M, ông Lê Văn T) với tổng số tiền 388.840.000 đồng, bà Nguyễn Thị T2 thống nhất trả cho Ngân hàng Chính Sách xã Hội.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 370 BLDS 2015 *“Bên có nghĩa vụ có thể chuyển giao nghĩa vụ cho người thế nghĩa vụ nếu được bên có quyền đồng ý, trừ trường hợp nghĩa vụ gắn liền với nhân thân của bên có nghĩa vụ hoặc pháp luật có quy định không được chuyển giao nghĩa vụ”*. Như vậy, theo các biên bản làm việc giữa đại diện Ngân hàng Chính Sách Xã Hội – Phòng giao dịch Đức Phổ, đại diện UBND, Hội phụ nữ xã T với bà Nguyễn Thị T2 nêu trên thì khoản vay của bà M, ông T đã được chuyển giao nghĩa vụ cho Bà Nguyễn Thị T2. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã xác minh, làm việc, nhưng bà Nguyễn Thị T2 đã chết trước thời điểm Tòa án thụ lý vụ án.

Mặt khác, năm 2020, Ngân hàng Chính sách Xã Hội có đơn tố giác hành vi của bà T2 đến cơ quan điều tra Công an thị xã Đức Phổ; quá trình xác minh cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đức Phổ xác định giữa Ngân hàng Chính sách Xã Hội – Phòng giao dịch Đức Phổ với bà Nguyễn Thị T2 tự nguyện thỏa thuận dân sự với nhau đối với khoản tiền bà T2 chiếm đoạt và bà T2 cam kết trả nợ cho Ngân hàng Chính Sách Xã Hội – Phòng giao dịch Đức Phổ, nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Đức Phổ xác định hành vi của bà Nguyễn Thị T2 không cấu thành tội phạm và không khởi tố vụ án hình sự. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính sách Xã Hội.

[2.2] Về án phí: Ngân hàng Chính Sách Xã Hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

[2.3] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Đức Phổ tại phiên tòa phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, 39, Điều 147, Điều 235, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 274, 275, 276, 280, 370 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 11 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chính Sách Xã Hội về việc yêu cầu ông Lê Văn T và bà Phùng Thị M phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng Chính Sách Xã Hội tổng số tiền là 68.993.457 đồng (trong đó tiền gốc vay

là 49.000.000 đồng; tiền lãi trong hạn là 3.434.668 đồng và tiền lãi quá hạn tính đến ngày 16/9/2022 là 16.558.789 đồng).

2. Về án phí: Ngân hàng Chính Sách Xã Hội không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND thị xã Đức Phổ;
- Chi cục THADS thị xã Đức Phổ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, lưu án văn;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Nguyễn Văn Duẩn